

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3599/UBND

Cần Giờ, ngày 18 tháng 9 năm 2018

V/v hướng dẫn xác định nhu cầu và
nguồn kinh phí thực hiện chi thu
nhập tăng thêm theo Nghị quyết số
03/2018/NQ-HĐND ngày 16/3/2018
của Hội đồng nhân dân thành phố

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CẦN GIỜ	
ĐẾN	Số: 1863
	Ngày: 18/9/2018
Chuyển:	Trưởng, Phó, Thư
Lưu hồ sơ:	(Chánh, Mai)

Weg am

Kính gửi:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể huyện;
- Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

A. TM
tập hợp
thông
sản phẩm
đơn kèm

Căn cứ Công văn số 6017/STC-HCSN ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Sở
Tài chính thành phố về việc hướng dẫn xác định nhu cầu và nguồn kinh phí thực
hiện chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 16
tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố;

Ủy ban nhân dân huyện có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Công tác lập dự toán (quyết toán) thu nhập tăng thêm:

Vào thời điểm lập dự toán (quyết toán) thu - chi ngân sách hàng năm, các
cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm xác định nhu cầu và nguồn kinh phí chi trả thu
nhập tăng thêm và tổng hợp chung vào dự toán (quyết toán) thu - chi ngân sách
hàng năm của đơn vị, gửi về Phòng Tài chính - Kế hoạch tổng hợp.

2. Mẫu biểu và thời hạn báo cáo:

- Đối với đơn vị dự toán cấp huyện: tổng hợp nhu cầu và kinh phí theo
Phụ lục số 10 ban hành kèm theo Công văn số 6017/STC-HCSN.

- Đối với Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn: tổng hợp nhu cầu và kinh phí
theo Phụ lục số 08, 09 ban hành kèm theo Công văn số 6017/STC-HCSN.

* Hạn chót gửi dự toán về Phòng Tài chính - Kế hoạch: ngày 30 tháng 6
hàng năm.

* Hạn chót gửi báo cáo quyết toán về Phòng Tài chính - Kế hoạch: ngày
31 tháng 3 năm sau.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch: tổng hợp nhu cầu và kinh phí theo Phụ lục
số 06, 07 ban hành kèm theo Công văn số 6017/STC-HCSN.

* Hạn chót gửi dự toán về Sở Tài chính thành phố: ngày 15 tháng 7
hàng năm.

* Hạn chót gửi báo cáo quyết toán về Sở Tài chính thành phố: ngày 15
tháng 6 năm sau.

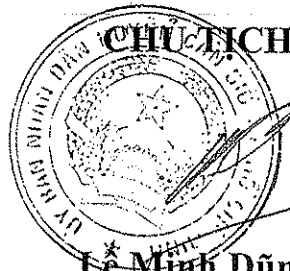
Riêng năm 2018, các cơ quan, đơn vị gửi báo cáo về Phòng Tài chính - Kế hoạch chậm nhất ngày 21 tháng 9 năm 2018. Trên cơ sở đó, Phòng Tài chính - Kế hoạch tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân huyện báo cáo Sở Tài chính thành phố trước ngày 27 tháng 9 năm 2018.

(Công văn số 6017/STC-HCSN ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Sở Tài chính thành phố được gửi qua hộp thư điện tử của các đơn vị).

Đề nghị các đơn vị khẩn trương, phối hợp thực hiện. Nếu đơn vị không gửi xác định nhu cầu thực hiện chi thu nhập tăng thêm xem như đơn vị đó không có nhu cầu.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Ủy ban nhân dân huyện;
- VP: CVP, TH-Tổ trưởng, Tin học, Kế toán;
- Lưu: VT, TC-Hương, Th.



Lê Minh Dũng

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 6017/STC-HCSN

TP Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 9 năm 2018

V/v hướng dẫn xác định nhu cầu
và nguồn kinh phí thực hiện thực
hiện chi thu nhập tăng thêm theo
Nghị quyết số 03/2018/NQ-
HĐND ngày 16/3/2018 của Hội
đồng nhân dân thành phố.

Kính gửi:

- Sở, ban – ngành thành phố;
- Ủy ban nhân dân các quận – huyện.

Căn cứ Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 16/3/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố về ban hành quy định chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc khu vực quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập do Thành phố quản lý;

Căn cứ Công văn số 1370/UBND-KT ngày 04/4/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 16/3/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố. Trong đó:

- Giao Sở Nội vụ "*Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện hệ số điều chỉnh tăng thu nhập cho từng cán bộ, công chức, viên chức tương ứng với từng mức độ hiệu quả công việc*".

- Giao Sở Tài chính "*Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị sử dụng nguồn kinh phí thực hiện chi thu nhập tăng thêm theo quy định*".

Căn cứ Công văn số 3253/UBND-KT ngày 23/7/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 16/3/2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Tài chính hướng dẫn việc xác định nhu cầu và nguồn kinh phí thực hiện chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức như sau:

Thu nhập tăng thêm được hướng dẫn tại văn bản này là thu nhập tăng thêm theo cơ chế đặc thù của thành phố Hồ Chí Minh, thực hiện theo Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội (ngoài khoản thu nhập tăng thêm theo quy định của pháp luật hiện hành về cơ chế tự chủ tài chính đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập).

Đơn vị thực hiện thu nhập tăng thêm được hướng dẫn tại văn bản này bao gồm các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị

sự nghiệp công lập (không phân biệt mức độ tự chủ tài chính) do Thành phố quản lý.

A. Về dự toán nhu cầu chi thu nhập tăng thêm hàng năm

Hàng năm, căn cứ vào đối tượng đã được quy định tại Điều 2 và nguồn kinh phí thực hiện quy định tại Điều 5, Điều 6 Quy định kèm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 16/3/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố; Trên cơ sở số lượng theo đối tượng quy định tại đơn vị dự kiến được hưởng thu nhập tăng thêm để xây dựng dự toán nhu cầu chi thu nhập tăng thêm từng năm.

I. Nhu cầu chi trả thu nhập tăng thêm tại từng đơn vị

Nhu cầu kinh phí thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm trong năm = Hệ số điều chỉnh thu nhập tăng thêm x Tiền lương theo ngạch bậc, chức vụ. Trong đó:

- Hệ số điều chỉnh thu nhập tăng thêm là hệ số dự kiến tại thời điểm lập dự toán (năm 2018 tối đa là 0,6 lần; năm 2019 tối đa là 1,2 lần; năm 2020 tối đa là 1,8 lần).

- Tiền lương theo ngạch bậc, chức vụ là tiền lương thực tế tại thời điểm lập dự toán.

II. Nguồn kinh phí thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm

1. Đối với đơn vị dự toán

Nguồn kinh phí thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm tại từng đơn vị là nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương theo quy định hiện hành (sau khi đã thực hiện chi trả chính sách tăng lương theo lộ trình của Chính phủ hàng năm; chi trả chính sách tinh giản biên chế (theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP và Nghị quyết 25/2017/NQ-HĐND), được sử dụng theo trình tự như sau:

a) Nguồn cải cách tiền lương của cơ quan, đơn vị từ năm trước chuyển sang.

b) Nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước cấp theo quy định (không kể các khoản chi lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ).

c) Nguồn cải cách tiền lương được trích lập từ nguồn thu được để lại hàng năm theo quy định của cấp có thẩm quyền (trong giai đoạn năm 2018-2020, các cơ quan, đơn vị thực hiện tỷ lệ trích lập là 40% (riêng lĩnh vực y tế là 35%) theo quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 16/3/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Lưu ý: Trường hợp nguồn cải cách tiền lương được trích lập từ số thu trong năm (cộng với các nguồn cải cách tiền lương khác theo quy định) cao hơn nhu cầu thực hiện chi lương tối thiểu theo lộ trình tăng lương của Chính phủ, nhu cầu thực hiện chính sách tinh giản biên chế (theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP và Nghị quyết 25/2017/NQ-HĐND) và nhu cầu chi thu nhập tăng thêm, phần chênh lệch thừa trong năm từ nguồn 40% (riêng lĩnh vực y tế là 35%) xử lý như sau:

- Đối với cơ quan hành chính: Tiếp tục theo dõi để thực hiện cho những năm tiếp theo.

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập: Tiếp tục theo dõi để thực hiện cho những năm tiếp theo. Trường hợp đơn vị nào cam kết trong những năm tiếp theo tự đảm bảo nguồn cải cách tiền lương để thực hiện chi trả lương tối thiểu theo lộ trình tăng lương của Chính phủ, nhu cầu thực hiện chính sách tính giản biên chế (theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP và Nghị quyết 25/2017/NQ-HĐND) và chi trả thu nhập tăng thêm thì được sử dụng nguồn 40% (riêng lĩnh vực y tế là 35%) nêu trên còn dư để chi đầu tư, mua sắm, hoạt động chuyên môn của đơn vị và thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định hiện hành; văn bản cam kết gửi cơ quan tài chính cùng cấp để theo dõi, quản lý; cụ thể:

+ Các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố: Gửi văn bản đến Sở Tài chính.

+ Các đơn vị trực thuộc các Sở - ban, ngành: Thông qua cơ quan chủ quản để gửi văn bản đến Sở Tài chính.

+ Các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân các quận huyện: Gửi văn bản đến Phòng Tài chính Kế hoạch quận huyện.

d) Sau khi tính toán hết các nguồn cải cách tiền lương nêu trên, trường hợp đã trích lập đầy đủ nguồn cải cách tiền lương theo quy định nhưng dự kiến nhu cầu kinh phí thực hiện điều chỉnh thu nhập tăng thêm còn thiếu so với nguồn hiện có (tức nhu cầu lớn hơn nguồn); các đơn vị đề nghị ngân sách nhà nước các cấp bổ sung dự toán kinh phí cho đơn vị để thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm theo quy định.

2. Đối với cấp phường xã, thị trấn

- Nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm trước chưa sử dụng hết chuyển sang năm sau của cấp ngân sách phường xã thị trấn, trong đó bao gồm nguồn 50% tăng thu ngân sách phường xã thị trấn (không kể tăng thu từ nguồn thu tiền sử dụng đất) thực hiện năm trước so với dự toán năm trước.

- Nguồn cải cách tiền lương 10% chỉ thường xuyên từ ngân sách nhà nước cấp theo quy định (không kể các khoản chi lương, phụ cấp theo lương, các khoản cố tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ)

- Nguồn 50% tăng thu ngân sách phường xã thị trấn dự toán năm hiện hành so với dự toán năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách.

Sau khi tính toán hết các nguồn cải cách tiền lương nêu trên, trường hợp đã trích lập đầy đủ nguồn cải cách tiền lương theo quy định nhưng dự kiến nhu cầu kinh phí thực hiện điều chỉnh thu nhập tăng thêm còn thiếu so với nguồn hiện có (tức nhu cầu lớn hơn nguồn); Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn đề nghị ngân sách quận huyện cấp bổ sung dự toán kinh phí cho đơn vị để thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm theo quy định.

3. Đối với cấp quận huyện

- Nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm trước chưa sử dụng hết chuyển sang của cấp ngân sách quận - huyện, trong đó bao gồm nguồn 50% tăng thu ngân sách quận - huyện (không kể tăng thu từ nguồn thu tiền sử dụng đất) thực hiện năm trước so với dự toán năm trước.

- Nguồn 50% tăng thu ngân sách quận - huyện (không kể tăng thu từ nguồn thu tiền sử dụng đất) dự toán năm hiện hành so với dự toán năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách.

Sau khi tính toán hết các nguồn cải cách tiền lương nêu trên, trường hợp đã trích lập đầy đủ nguồn cải cách tiền lương theo quy định nhưng dự kiến nhu cầu kinh phí thực hiện điều chỉnh thu nhập tăng thêm còn thiếu so với nguồn hiện có (tức nhu cầu lớn hơn nguồn); Ủy ban nhân dân quận huyện đề nghị ngân sách thành phố cấp bổ sung dự toán kinh phí cho đơn vị để thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm theo quy định.

III. Xây dựng dự toán nhu cầu và nguồn kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm

- Đối với các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố: Các đơn vị chịu trách nhiệm rà soát, xác định nhu cầu và nguồn cải cách tiền lương tại đơn vị theo quy định để thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm; vào thời điểm xây dựng dự toán hàng năm đơn vị có văn bản tổng hợp và thuyết minh rõ nhu cầu và nguồn kinh phí thực hiện gửi Sở Tài chính.

- Đối với các đơn vị trực thuộc các Sở - ban, ngành: Các đơn vị rà soát, tính toán nhu cầu và nguồn cải cách tiền lương tại đơn vị theo quy định để thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm; báo cáo Sở - ban, ngành chủ quản để tổng hợp gửi Sở Tài chính. Cơ quan chủ quản chịu trách nhiệm rà soát, thẩm định nhu cầu và nguồn kinh phí thực hiện theo quy định của các đơn vị trực thuộc. Vào thời điểm xây dựng dự toán hàng năm, các Sở - ban, ngành chủ quản có văn bản tổng hợp và thuyết minh rõ nhu cầu và nguồn kinh phí thực hiện của các đơn vị trực thuộc gửi Sở Tài chính.

- Đối với các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân các quận huyện: Ủy ban nhân dân các quận huyện quy định cụ thể trách nhiệm xác định nhu cầu và nguồn kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm.

IV. Bố trí dự toán

1. Đối với khối thành phố

Các Sở - ban, ngành giao dự toán kinh phí thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm từ nguồn cải cách tiền lương của đơn vị và nguồn cải cách tiền lương của ngân sách thành phố cấp (nếu có) tại Quyết định giao dự toán thu chi ngân sách hàng năm cho các đơn vị.

Ủy ban nhân dân thành phố giao dự toán kinh phí thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm từ nguồn cải cách tiền lương của các đơn vị trực thuộc Sở - ban,

ngành và nguồn cải cách tiền lương của ngân sách thành phố cấp (nếu có) tại Quyết định giao dự toán thu chi ngân sách hàng năm cho các Sở – ban, ngành.

2. Đối với khối quận huyện, phường xã

Ủy ban nhân dân các quận huyện giao dự toán kinh phí thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm từ nguồn cải cách tiền lương của các đơn vị dự toán và Ủy ban nhân dân phường xã và nguồn cải cách tiền lương của ngân sách quận huyện (nếu có) tại Quyết định giao dự toán thu chi ngân sách hàng năm cho các đơn vị.

Ủy ban nhân dân thành phố giao dự toán kinh phí thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm từ nguồn cải cách tiền lương của quận huyện và nguồn cải cách tiền lương của ngân sách thành phố (nếu có) tại Quyết định giao dự toán thu chi ngân sách hàng năm cho các quận huyện.

V. Về thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm

Căn cứ kết quả đánh giá hiệu quả công việc hàng quý của cán bộ, công chức, viên chức theo hướng dẫn của Sở Nội vụ, cơ quan, đơn vị thực hiện chi trả dứt điểm thu nhập tăng thêm hàng quý cho từng cán bộ, công chức, viên chức bằng 100% mức chi của kết quả đánh giá tương ứng (không xem xét đến kết quả cả năm).

Thời điểm thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm hàng quý do thủ trưởng đơn vị quyết định sau khi có kết quả đánh giá hiệu quả công việc do Sở Nội vụ hướng dẫn.

B. Về quyết toán kinh phí chi thu nhập tăng thêm hàng năm

Các đơn vị thực hiện quyết toán theo thực tế phát sinh tại từng đơn vị trên cơ sở hệ số điều chỉnh tăng thu nhập căn cứ kết quả đánh giá hiệu quả công việc thực tế của CBCCVC.

Trường hợp nguồn kinh phí quyết toán nhỏ hơn nguồn kinh phí dự toán của đơn vị, kinh phí còn thừa được tổng hợp vào nguồn cải cách tiền lương của đơn vị chuyển sang năm sau.

Trường hợp nguồn kinh phí quyết toán lớn hơn nguồn kinh phí dự toán của đơn vị, kinh phí còn thiếu sẽ được xem xét cấp bổ sung từ nguồn cải cách tiền lương của ngân sách cấp quận huyện hoặc nguồn cải cách tiền lương cấp thành phố.

C. Biểu mẫu và thời gian báo cáo

I. Đối với khối thành phố

1. Về lập dự toán

Cùng với thời gian lập dự toán thu- chi ngân sách nhà nước hàng năm; các cơ quan, đơn vị lập dự toán kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm và tổng hợp chung vào dự toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm của cơ quan, đơn vị, thông qua cơ quan chủ quản gửi cơ quan tài chính để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện. *Chi tiết theo phụ lục 01, 02, 03 đính kèm.*

Riêng năm 2018, các cơ quan, đơn vị lập nhu cầu kinh phí thực hiện theo hướng dẫn tại mục 1, 2 nêu trên gửi Sở Tài chính trước ngày 28/9/2018 để báo cáo và tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố bổ sung dự toán năm 2018 cho đơn vị thực hiện.

2. Về báo cáo quyết toán

Quyết toán kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 16/3/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố được tổng hợp chung vào quyết toán ngân sách hàng năm của đơn vị theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật.

Ngoài ra, để phục vụ công tác theo dõi, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định, các cơ quan, đơn vị thực hiện báo cáo quyết toán chi tiết theo phụ lục 04, 05 đính kèm.

II. Đối với khối quận huyện

1. Đối với đơn vị dự toán cấp quận huyện và Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn

Ủy ban nhân dân quận huyện quy định thời gian gửi báo cáo dự toán và quyết toán kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm hàng năm của đơn vị dự toán cấp quận huyện và Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn về phòng Tài chính – Kế hoạch quận huyện phù hợp theo thời gian thực hiện báo cáo dự toán và quyết toán ngân sách hàng năm. Chi tiết theo phụ lục 08, 09, 10 đính kèm.

2. Đối với ngân sách cấp quận huyện:

Ủy ban nhân dân quận huyện gửi báo cáo dự toán và quyết toán kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm hàng năm của quận huyện về Sở Tài chính cùng thời điểm với báo cáo dự toán và quyết toán ngân sách quận huyện hàng năm. Chi tiết theo phụ lục 06, 07 đính kèm.

Riêng năm 2018, đối với các quận huyện có nguồn cải cách tiền lương lớn hơn nhu cầu kinh phí để thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm, chủ động sử dụng các nguồn kinh phí này để chi trả theo quy định; Đối với các quận huyện không đủ nguồn kinh phí (nhu cầu lớn hơn nguồn) để chi trả thu nhập tăng thêm, các quận huyện có báo cáo gửi Sở Tài chính để thẩm định, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt bổ sung dự toán (phần chênh lệch thiếu) cho các quận huyện thực hiện, thời gian gửi báo cáo trước ngày 28/9/2018.

D. Tổ chức thực hiện

1. Các Sở – ban, ngành và Ủy ban nhân dân các quận huyện

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện nghiêm việc xác định nguồn, nhu cầu thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND.

- Kịp thời báo cáo Sở Tài chính nguồn, nhu cầu thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

2. Phòng Tài chính – Kế hoạch quận huyện

- Hướng dẫn các đơn vị xác định nhu cầu và sử dụng nguồn kinh phí thực hiện chi thu nhập tăng thêm theo quy định.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân quận huyện quy định thời gian thực hiện báo cáo dự toán và quyết toán kinh phí chi thu nhập tăng thêm hàng năm của các đơn vị.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân quận huyện đảm bảo đủ nguồn kinh phí để thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức và quyết toán, theo dõi chặt chẽ nguồn cải cách tiền lương tại đơn vị.

Trên đây là hướng dẫn của Sở Tài chính, đề nghị các Sở – ban, ngành và Ủy ban nhân dân quận huyện quan tâm, phối hợp thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND.TP (để báo cáo);
- Sở Nội vụ (để phối hợp);
- GD, PGD Sở;
- Lưu : VP, HCSN, QH, 120b

GIÁM ĐỐC



Phan Thị Thắng



Người ký: Sở Tài
chính
Email:
stc@tpcm.gov.vn
Cơ quan: Thành phố
Hồ Chí Minh
Thời gian ký:
05.09.2018
14:51:28 +07:00

BÁO CÁO NHU CẦU KINH PHÍ CHỈ THU NHẬP TĂNG THÊM THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 03/2018/NQ-HĐND

[illegible]

TÊN SỐ - BAN, NGÀNH CHỦ QUẢN

Tên đơn vị:

Phụ lục 02

**BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ CHI TĂNG THU NHẬP
THEO NGHỊ QUYẾT 03/2018/NQ-HĐND**

NĂM:

(Dùng cho đơn vị dự toán báo cáo Cơ quan chủ quản hoặc đơn vị trực thuộc UBNDTP gửi Sở Tài chính)

ĐVT: Triệu đồng														
STT	Đối tượng	Nhu cầu kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm							Nguồn kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm của đơn vị					Nguồn CCTL để nghị ngân sách cấp
		Hệ số lương của CBCCVC hưởng thu			Tiền lương theo ngạch bậc, chức vụ	Hệ số điều chỉnh thu nhập tăng thêm	Nhu cầu kinh phí □	Tổng nguồn	Trong đó					
		Tổng hệ số lương	Hệ số lương	PC chức vụ					PC vượt khung	Nguồn CCTL năm trước chuyển sang	TK 10% chi thường xuyên	Nguồn CCTL trích lập từ nguồn thu để		
A	B	$I=2+3+4$	2	3	4	$5=1 \times \text{mức lương cơ sở}$	6	$7=6 \times 5 \times 12 \text{th}$	9	10	11	$12=7-8$		
	Tổng cộng													
1	Trần văn A													
2	Trần văn B													
	...													

DVT: Triệu đồng

*** Ghi chú:**

- Cột 5: Tiền lương theo ngạch bậc, chức vụ 1 tháng thực tế tại thời điểm lập dự toán.
- Cột 6: Hệ số điều chỉnh thu nhập tăng thêm dự kiến trong năm
- Cột 8,...,11: Chỉ thể hiện số tổng nguồn
- Cột 12: Chỉ phát sinh khi nhu cầu kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm lớn hơn nguồn của đơn vị

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ CHI TRẢ THU NHẬP TĂNG THÊM THEO NGHỊ QUYẾT 03/2018/NQ-HĐND

NĂM:.....
(Dùng cho Cơ quan chủ quản báo cáo Sở Tài chính)

DVT: triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BC theo chỉ tiêu được duyệt năm	Số CBCCV hưởng thu nhập tăng thêm	Tổng hệ số lương của BC hưởng; thu nhập tăng thêm				Tiền lương theo ngạch bậc, chức vụ năm	Hệ số điều chỉnh TNNT dự kiến	Dự toán nhu cầu kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm của đơn vị	Tổng	Nguồn kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm của			Nguồn CCTL để nghị ngân sách cấp	
				Trong đó			PC chức vụ					PC vượt khung				
				Tổng hệ số lương tháng	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp										
1	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9=5x mức lương cơ sở x 12th	10	11= 9 x 10	16=17+...+19	17	18	19	20=11-16	
1	Đơn vị A															
2	Đơn vị B															
	Tổng															

Ghi chú: Báo cáo của cơ quan chủ quản gửi Sở Tài chính đính kèm báo cáo của đơn vị trực thuộc.

- Cột 5: tổng hệ số lương, phụ cấp chức vụ, phụ cấp vượt khung của người hưởng thu nhập tăng thêm của đơn vị tại thời điểm lập dự toán
- Cột 10: Hệ số điều chỉnh thu nhập tăng thêm dự kiến trong năm
- Cột 20: Chỉ phát sinh khi nhu cầu kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm lớn hơn nguồn của đơn vị

TÊN SỐ - BAN, NGÀNH CHỦ QUẢN
Tên đơn vị:

Phụ lục 04

**BẢNG TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN KINH PHÍ CHI TẮNG THU NHẬP
THEO NGHỊ QUYẾT 03/2018/NQ-HĐND**

NĂM:.....

(Dùng cho đơn vị dự toán báo cáo Cơ quan chủ quản hoặc đơn vị trực thuộc UBNDTP gửi Sở Tài chính)

STT	Đối tượng	Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm										Trong đó:			Nguồn kinh phí còn dự chuyển năm sau
		Hệ số lương của CBCCVC hưởng thu nhập tăng thêm				Tiền lương theo ngạch bậc, chức vụ năm	Hệ số điều chỉnh thu nhập tăng thêm	Nhu cầu kinh phí	Nguồn kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm	Nguồn CCTL tại đơn vị (nguồn năm trước chuyển sang; 10% tiết kiệm chi thường xuyên; Nguồn CCTL trích lập từ nguồn thu để	Nguồn CCTL ngân sách cấp trong năm				
		Trong đó		PC vượt khung	PC chức vụ										
		Tổng hệ số lương	Hệ số lương												
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5	6	7=6x5	9	10	11=8-7				
	Tổng cộng														
I	Cán bộ, công chức, viên chức được hưởng TTN đủ năm	0	0	0	0	0	0	0	0	0					
1	Trần văn A														
2	Trần văn B														
II	Cán bộ, công chức, viên chức được hưởng TTN không đủ năm	0	0	0	0	0	0	0	0	0					
1	Trần văn A														
2	Trần văn B														
	...														

* Ghi chú:

- Cột 5: Tiền lương theo ngạch bậc, chức vụ là tiền lương đã bao gồm tăng lương theo lộ trình của Chính phủ trong năm
- Cột 6: Hệ số điều chỉnh thu nhập tăng thêm theo kết quả đánh giá hiệu quả công tác của CBCCVV
- Cột 8,9,10: Chỉ thể hiện số tổng nguồn

TÊN SỐ - BAN, NGÀNH CHỦ QUẢN

Phụ lục 05

BẢNG TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN KINH PHÍ CHI TRẢ THU NHẬP TĂNG THÊM
THEO NGHỊ QUYẾT 03/2018/NQ-HĐND
NĂM:.....
(Dùng cho cơ quan chủ quản báo cáo Sở Tài chính)

DVC: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm trong năm của đơn vị	Nguồn kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm của đơn vị	Trong đó:		Nguồn kinh phí còn dư chuyển năm sau
				Nguồn CCTL tại đơn vị (nguồn năm trước chuyển sang; 10% tiết kiệm chi thường xuyên; Nguồn CCTL trích lập từ nguồn thu để lại)	Nguồn CCTL ngân sách cấp trong năm	
1	2	3	4 = 5+6	5	6	7=1-3
1	Đơn vị A					
2	Đơn vị B					
	Tổng					

Ghi chú: Báo cáo của cơ quan chủ quản gửi Sở Tài chính đính kèm báo cáo của đơn vị trực thuộc.

BẢNG TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN KINH PHÍ CHI TRẢ THU NHẬP TĂNG THÊM THEO NGHỊ QUYẾT 03/2018/NQ-HĐND - QUẬN
NĂM:.....
(Đề nghị cho Ủy ban nhân dân quận huyện báo cáo Sở Tài chính)

[illegible]

Chiếm lĩnh dự toán bổ trí so với thực hiện																	
STT	CHỈ TIÊU	Kính phí chi trả (tính theo giá trị hàng nhập) trong năm của đơn vị	Nguồn dự toán kinh phí chi trả hàng nhập tăng thêm của đơn vị	Trong đó						Trong đó						Chiếm lĩnh thực	
				Nguồn CCTL năm trước chuyển sang (bao gồm nguồn 50% tăng thu thực hiện năm trước so với dự toán năm trước)	TK 10% chi thường xuyên	Nguồn CCTL trích lập từ nguồn thu để lại hàng năm	Nguồn 50% tăng thu dự toán năm so với dự toán năm đầu thời kỳ ngân sách	Nguồn CCTL quân huyện bổ sung	Nguồn CCTL chính phủ bổ sung	Chiếm lĩnh thực	Nguồn CCTL trích lập từ nguồn thu để lại hàng năm	TK 10% chi thường xuyên	Nguồn CCTL trích lập từ nguồn thu để lại hàng năm	Nguồn 50% tăng thu dự toán năm so với dự toán năm đầu thời kỳ ngân sách	Nguồn CCTL quân huyện bổ sung		Nguồn CCTL chính phủ bổ sung
1	2	3	4=5+...+10	5	6	7	8	9	10	11=12+...+17	12	13	14	15	16	17	18=3+4
a	Xây dựng: GD phổ thông khác																
b	Đào tạo khác																
	TT giáo dục TX																
	Trường 1 ĐGD																
	TT-GDCK THHN-DN																
	TT bồi dưỡng Cui																
	TT dạy nghề																
	TT GDNN-GDTH (tập nhập 3 TT)																
	Đào tạo kĩ thuật																
	... (chi tiết)																
2	SN Y tế																
	Bệnh viện																
	Trung tâm TDP																
3	SN VH-TT-TDTT																
	Trung tâm văn hóa																
	Nhà điều trị																
	Thế dục thể thao																
	TT VH-TT khác																
	... (chi tiết)																
4	SN khác																
	... (chi tiết)																
	Tổng (1+11+14+17)																

Chi chi:

- Cột 3: NI và cầu kính, phí cột số 7 biểu số 4

- Cột 5: Chi phí sinh khí như cầu kính phí chi trả thu nhập tăng thêm nhỏ hơn nguồn dự toán của đơn vị, thuyết minh cụ thể chiếm lĩnh thực, nguyên nhân

- Cột 6: Chi phí sinh khí như cầu kính phí chi trả thu nhập tăng thêm lớn hơn nguồn dự toán của đơn vị, thuyết minh cụ thể chiếm lĩnh thực, nguyên nhân

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ CHI TRẢ THU NHẬP TĂNG THEO NGHỊ QUYẾT 03/2018/NQ-HĐND - QUẬN ...

NĂM:.....
(Dùng cho Ủy ban nhân dân quận huyện báo cáo Sở Tài chính)

डा. सु. प्र. म. २०१३

STT	CHỈ TIÊU	BC theo chỉ tiêu được duyệt hàng năm	Số CBCNV được hưởng thu nhập tăng thêm	Tổng hệ số lương của BC hưởng thu nhập tăng thêm				Thân lương theo ngạch bậc, chức vụ năm	Hệ số diện tích TTN dự kiến	Dự toán nhu cầu kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm của đơn vị	Nguồn kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm của đơn vị						Nguồn CCTL quân sự cho đơn vị được biên chế thu nhập tăng thêm	Như cầu bổ sung từ nguồn CCTL của thành phố
				Trong đó			Tổng				TK 10% chi thường xuyên	Ngân sách CCTL, trích lập từ nguồn tài trợ để tại ngân sách	Ngân sách thu thực hiện năm trước so với dự toán năm trước	Nguồn 50% tăng thu dự toán năm hiện hành so với dự toán năm đầu thời kỳ do định ngân sách				
				Hệ số lương tăng	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp												
1	2	3	4	5=4x7+8	6	7	8	9=5+ước lượng cơ sở 11%	10	11=9 x 10	12=13+...17	13	14	15	16	17	18=1-12	19=1-12-18
A	Quản lý nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
I	Phòng ban chuyên môn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Văn phòng UBND và UBND	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Phòng Tư pháp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Phòng Kinh tế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Phòng Tài chính - Kế hoạch	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Phòng Lao động Thương binh xã hội	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Phòng Văn hóa và Thông tin	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Phòng Nội vụ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Thanh tra	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9	Phòng Giáo dục Đào tạo	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10	Phòng Tái nguyên Môi trường	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
11	Phòng Y tế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
12	Phòng Quản lý Đô thị	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
....		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II	Đoàn thể	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Ủy ban mặt trận tổ quốc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Quán đoàn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Hội Liên hiệp phụ nữ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Hội cựu chiến binh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Hội chữ thập đỏ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
...	... (Chỉ tiết đoàn thể)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
III	Phường xã thị trấn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	UBND Phường 1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
...	- Cán bộ chuyên trách	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
...	- Cán bộ không chuyên trách	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	...	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
B	Đơn vị Sự nghiệp công lập	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Sở Giáo dục-Đào tạo	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Giáo dục	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
...	Giáo dục Mầm non	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
...	...(Chỉ tiết các trường tại từng khối)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
...	Giáo dục tiểu học	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
...	...(Chỉ tiết các trường tại từng khối)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
...	Giáo dục THPT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	CHỈ TIÊU	BC theo chỉ tiêu được duyệt năm	Số C/C/C/C/C được hưởng thu nhập tăng thêm	Tổng hệ số lương của BC hưởng thu nhập tăng thêm				Tiền lương theo ngạch bậc, chức vụ năm	Hệ số điều chỉnh TTN dự kiến	Dự toán nhu cầu tính phí chi trả thu nhập tăng thêm của đơn vị	Nguồn kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm của đơn vị					Nguồn CCTL, quỹ lương bổ sung cho đơn vị thực hiện chi thu nhập tăng thêm	Nhu cầu bổ sung từ nguồn CCTL của thành phố	
				Tổng hệ số lương tháng	Hệ số lương	Trong đó					Nguồn CCTL trích lập dự toán hằng năm	Nguồn 50% tăng thu thực hiện năm trước so với dự toán năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách	Nguồn 50% tăng thu thực hiện năm hiện hành so với dự toán năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách					
						PC chức vụ	Hệ số phụ cấp											
1	2	3	4	5=4x12	6	7	8	9=5x6x12	10	11=9x10	12=11x...17	13	14	15	16	17	18=11+12	19=11+12+18
	 (chi tiết về năng lực công việc)																	
	- Quyết định C/D phổ thông khác																	
	 (chi tiết)																	
2	Đào tạo khác																	
	- TT giáo dục IX																	
	- Trưởng BD 2D																	
	- TT-GDKTTI HN-DN																	
	- TT bồi dưỡng (C/D)																	
	- TT dạy nghề																	
	- TT GDNN-C/DK (áp dụng 3 TT)																	
	- Đào tạo khác																	
	 (chi tiết)																	
II	SN Y tế																	
	Bệnh viện																	
	- Trung tâm Y/DP																	
III	SN VH-TT-Y																	
	- Trung tâm văn hóa																	
	- Nhà thi đấu																	
	- Nhà thi đấu																	
	- TT VH-TT Y tế																	
	 (chi tiết)																	
IV	SN khác																	
	 (chi tiết)																	
	Tổng (SN+VH+Y)																	

Ghi chú:

- Cột 5: Tổng hệ số lương, phụ cấp chức vụ, phụ cấp vượt khung của người hưởng thu nhập tăng thêm của đơn vị tại thời điểm lập dự toán

- Cột 10: Hệ số điều chỉnh thu nhập tăng thêm dự kiến trong năm

- Cột 18: Chi phí sinh hoạt của đơn vị chi trả thu nhập tăng thêm lớn hơn nguồn của đơn vị

- Cột 19: Chi phí sinh hoạt của đơn vị chi trả thu nhập tăng thêm lớn hơn nguồn của đơn vị và nguồn CCTL ngân sách quận không đủ cân đối

BẢNG TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ TĂNG THU NHẬP
THEO NGHỊ QUYẾT 03/2018/NQ-HĐND

NĂM:.....

(Dùng cho đơn vị dự toán, UBND phường xã báo cáo Phòng Tài chính - Kế hoạch quận huyện)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đối tượng	Kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm						Nguồn dự toán kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm của đơn vị	Chênh lệch dự toán bổ trợ so với thực hiện			
		Hệ số lương của CBCCVC hưởng thu nhập tăng thêm			Tiền lương theo ngạch bậc, chức vụ năm	Hệ số điều chỉnh thu nhập tăng thêm	Nhu cầu kinh phí		Chênh lệch thừa	Chênh lệch thiếu		
		Tổng hệ số lương	Trong đó									
			Hệ số lương	PC chức vụ							PC vượt khung	
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5	6	7=6x5	8	9=8-7	10=7-8	
	Tổng cộng											
I	Cán bộ, công chức, viên chức được hưởng TTN đủ năm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Trần văn A											
2	Trần văn B											
II	Cán bộ, công chức, viên chức được hưởng TTN không đủ năm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Trần văn A											
2	Trần văn B											
...												

* Ghi chú:

- Cột 5: Tiền lương theo ngạch bậc, chức vụ là tiền lương đã bao gồm tăng lương theo lộ trình của Chức vụ trong năm
- Cột 6: Hệ số điều chỉnh thu nhập tăng thêm theo kết quả đánh giá hiệu quả công tác của CBCCV/C
- Cột 8,9,10: Chỉ thể hiện số tổng nguồn
- Cột 9: Chỉ phát sinh khi nhu cầu kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm nhỏ hơn nguồn dự toán của đơn vị, thuyết minh cụ thể chênh lệch thừa, nguyên nhân
- Cột 10: Chỉ phát sinh khi nhu cầu kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm lớn hơn nguồn dự toán của đơn vị, thuyết minh cụ thể chênh lệch thiếu, nguyên nhân

**BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ TĂNG THU NHẬP
THEO NGHỊ QUYẾT 03/2018/NQ-HĐND**

NĂM:.....

(Dùng cho UBND phường xã, thị trấn báo cáo Phòng Tài chính - Kế hoạch quận huyện)

ĐVT: Triệu đồng														
STT	Đối tượng	Nhu cầu kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm						Nguồn kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm của đơn vị						
		Hệ số lương của CBCCVC hưởng thu nhập tăng thêm				Tiền lương theo ngạch bậc, chức vụ	Hệ số điều chỉnh thu nhập tăng thêm	Nhu cầu kinh phí □	Tổng	Trong đó				
		Tổng hệ số lương	Trong đó							TK 10% chi thường xuyên	Nguồn CCTL trích lập từ nguồn thu để lại	Nguồn 50% tăng thu dự toán năm hiện hành so với dự toán năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách		
			Hệ số lương	PC chức vụ	PC vượt khung									
A	B	$I=2+3+4$	2	3	4	$S=I \times \text{mức lương cơ sở}$	6	$7=6 \times 5 \times 12 \text{ th}$	8	9	10	11	12	13
	Tổng cộng													
1	Trần văn A													
2	Trần văn B													
...	...													

* Ghi chú:

- Cột 1: Tiền lương theo ngạch bậc, chức vụ 1 tháng thực tế tại thời điểm lập dự toán.
- Cột 2: Hệ số điều chỉnh thu nhập tăng thêm dự kiến trong năm
- Cột 3, ..., 13: Chỉ thể hiện số tổng nguồn
- Cột 14: Chỉ phát sinh khi nhu cầu kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm lớn hơn nguồn của đơn vị

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN HUYỆN

Phụ lục 10

**BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ HỒ TRỢ TĂNG THU NHẬP
THEO NGHỊ QUYẾT 03/2018/NQ-HĐND**

NĂM:.....

(Dùng cho đơn vị dự toán báo cáo Phòng Tài chính - Kế hoạch quận huyện)

DVT: Triệu đồng														
STT	Đối tượng	Nhu cầu kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm						Nguồn kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm của đơn vị						Nguồn CCTL cấp quận huyện bổ sung
		Hệ số lương của CBCVC hưởng thu nhập tăng thêm				Tiền lương theo ngạch bậc, chức vụ	Hệ số điều chỉnh thu nhập tăng thêm	Nhu cầu kinh phí □	Tổng nguồn	Trong đó				
		Tổng hệ số lương	Hệ số lương	PC chức vụ	PC vượt khung					TK 10% chi thường xuyên	Nguồn CCTL trích lập từ nguồn thu để tại			
												Trong đó		
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5=1x mức lương cơ sở	6	7=6x5x12th	8=9+10+11	9	10	11	12=7-8	
	Tổng cộng													
1	Trần văn A													
2	Trần văn B													
...														

* Ghi chú:

- Cột 5: Tiền lương theo ngạch bậc, chức vụ 1 tháng thực tế tại thời điểm lập dự toán.
- Cột 6: Hệ số điều chỉnh thu nhập tăng thêm dự kiến trong năm
- Cột 8, ..., 11: Chỉ thể hiện số tổng nguồn
- Cột 12: Chỉ phát sinh khi nhu cầu kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm lớn hơn nguồn của đơn vị

